

Số: **609/QĐ-UBND**

Quảng Ngãi, ngày **19** tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán chi phí lập Quy hoạch chung xây dựng khu vực dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14/6/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng

Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 07/8/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tư Nghĩa;

Căn cứ Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung (điều chỉnh) đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch hướng tuyến Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh;

Căn cứ Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 của UBND tỉnh về việc công bố Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh về việc phân khai kinh phí vốn sự nghiệp thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch năm 2021;

Theo đề xuất của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định 514/BCTĐ-SXD ngày 13/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán chi phí lập Quy hoạch chung xây dựng khu vực dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Quy hoạch chung xây dựng khu vực dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh.

2. Nhiệm vụ khảo sát

a) Mục đích khảo sát: Công tác đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m nhằm cung cấp tài liệu phục vụ cho việc lập Quy hoạch chung xây dựng khu vực dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh.

b) Phạm vi khảo sát xây dựng: Tổng diện tích khảo sát địa hình khoảng 6.803 ha. Tỷ lệ bản đồ 1/5000.

- Về lưới khống chế mặt bằng, độ cao: Tận dụng một số mốc hạng IV, đường chuyên cấp 1, cấp 2 của các bản đồ địa hình đã có trong quy hoạch.

- Về diện tích đo vẽ: Diện tích 6.803 ha (theo phạm vi khảo sát). Khi triển khai lập phương án khảo sát, nhà thầu khảo sát có trách nhiệm kiểm tra, thống kê các bản đồ đo đạc hiện trạng đã có trong khu vực quy hoạch để thiết kế lại lưới đường chuyên, tính toán lại diện tích đo vẽ để điều chỉnh lại dự toán nếu có.

c) Khối lượng khảo sát:

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng thẩm định
I	Lưới khống chế mặt bằng	điểm	200
1	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyên cấp I, Bộ thiết bị GPS (3 máy), địa hình cấp II	điểm	60
2	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyên cấp II, Bộ thiết bị GPS (3 máy), địa hình cấp II	điểm	140
II	Thủy chuẩn	km	60
1	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình III	km	30
2	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình II	km	30
III	Đo vẽ bản đồ địa hình	100ha	68,03
1	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình III	100ha	34,015
2	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng thiết bị đo GPS và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình II	100ha	34,015

3. Nhiệm vụ quy hoạch

a) Quy mô, phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

- Quy mô diện tích nghiên cứu khoảng 7.700 ha; trong đó, diện tích lập quy hoạch khoảng 6.875ha, thuộc một phần ranh giới hành chính của: xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa; các xã: Đức Thắng, Đức Chánh, Đức Minh, Đức Phong, huyện Mộ Đức; xã Phổ An và phường Phổ Quang, thị xã Đức Phổ. Giới cận như sau:

- + Phía Bắc: Giáp ranh giới thành phố Quảng Ngãi;
- + Phía Đông: Giáp biển Đông;
- + Phía Tây: Giáp khu dân cư hiện hữu và đất sản xuất nông nghiệp;
- + Phía Nam: Giáp ranh giới Quy hoạch phân khu Trung tâm đô thị Phố Quang.

- Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/5.000.

- Thời hạn lập quy hoạch:

+ Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2030;

+ Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2045.

b) Tính chất:

- Là khu vực du lịch - dịch vụ - đô thị và nông lâm nghiệp ven biển; trọng tâm phát triển các chức năng du lịch - dịch vụ và đô thị theo hướng bền vững, góp phần tạo động lực phát triển cho khu vực ven biển phía Nam tỉnh Quảng Ngãi.

- Là khu vực tập trung nhiều đầu mối giao thông quan trọng.

c) Mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch:

c1) Mục tiêu:

- Xây dựng khu vực ven biển dọc tuyến đường Dung Quất - Sa Huỳnh phù hợp với chiến lược phát triển quốc gia nói chung và chiến lược phát triển biển Việt Nam nói riêng;

- Hình thành các khu dịch vụ du lịch phức hợp, giải trí chất lượng cao, du lịch sinh thái, khám phá, du lịch cộng đồng, trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị di sản thiên nhiên, văn hóa, lịch sử đặc sắc của khu vực; kết nối với các tuyến du lịch trong nước và quốc tế;

- Hình thành các khu đô thị ven biển, đảm bảo cân bằng sinh thái, cảnh quan, môi trường; gắn kết với các hoạt động nghỉ dưỡng, dịch vụ tạo thành chuỗi các chức năng đa dạng ven biển Quảng Ngãi;

- Làm cơ sở pháp lý để lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu vực và lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung của khu vực ven biển, sử dụng hợp lý các nguồn lực đảm bảo phát triển bền vững lâu dài.

c2) Nhiệm vụ quy hoạch:

- Xác định mục tiêu, động lực phát triển, quy mô dân số, đất đai, chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội;

- Đề xuất mô hình phát triển, định hướng phát triển không gian các khu chức năng: khu du lịch, khu đô thị, trung tâm hành chính, dịch vụ, thương mại, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, công viên cây xanh, thể dục, thể thao; hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật khung trên cao, trên mặt đất, dưới mặt nước

và ngầm dưới mặt đất.

d) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu tối thiểu	
			Đối với khu vực phát triển mật độ thấp	Đối với khu vực phát triển mật độ cao
A	QUY MÔ DÂN SỐ			
	- Giai đoạn đến năm 2030	người	73.000 - 83.000	
	- Giai đoạn đến năm 2045	người	210.000 - 230.000	
B	QUY MÔ KHÁCH DU LỊCH			
	- Giai đoạn đến năm 2030	lượt khách/năm	550.000	
	- Giai đoạn đến năm 2045	lượt khách/năm	2.500.000	
C	SỬ DỤNG ĐẤT			
I	Đất dân dụng đô thị	m²/người	70-120	50-80
	- Đất đơn vị ở	m ² /người	45-80	28-45
	- Đất công trình dịch vụ - công cộng	m ² /người	≥3	≥4
	- Đất cây xanh	m ² /người	≥4	≥5
	- Đất giao thông	km/km ²	6,5-8	6,5-8
II	Hạ tầng xã hội thiết yếu cấp đô thị			
1	Giáo dục			
	- Trường Phổ thông trung học	hs/1000 dân	40	40
		m ² /học sinh	10	10
2	Y tế	giường/1000 người	4	4
		m ² /giường	100	100
3	Trung tâm Văn hóa - thể thao	m ² /người	0,8	0,8
		ha/công trình	3	3
4	Chợ	ha/công trình	1	1
5	Các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu khác	Đảm bảo đáp ứng quy định QCVN 01:2021/BXD		
III	Hạ tầng kỹ thuật			
1	Giao thông			
-	Tỷ lệ đất giao thông/diện tích đất xây dựng đô thị (cấp đường khu	%	≥13	≥13

	vực)			
2	Chỉ tiêu cấp nước			
-	Sinh hoạt	l/ng.ng.đ	100	150
3	Chỉ tiêu cấp điện			
-	Sinh hoạt	kwh/ng/năm	400 (1000)	750 (1500)
-	Công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	%	30	35
-	Công nghiệp, kho tàng	kw/ha	50-250	50-250
4	Lượng nước thải			
-	Sinh hoạt (tỷ lệ nước cấp)	%	≥80	≥80
5	Lượng rác thải	Kg/người/ngày	0,9	0,8
6	Nghĩa trang	ha/1000 dân	0,04	0,04

đ) Các nội dung chủ yếu cần nghiên cứu:

đ1) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế xã hội, dân số, lao động, văn hóa, sử dụng đất, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, môi trường, hệ thống thủy lợi, ngập úng, lũ lụt và những yếu tố đặc thù của khu vực.

đ2) Đánh giá tình hình triển khai thực hiện các quy hoạch, các dự án đã có, đang còn hiệu lực; xác định, làm rõ các định hướng trong quy hoạch ngành có liên quan.

đ3) Xác định mục tiêu, động lực phát triển của khu chức năng; dự báo về dân số, lao động, quy mô đất xây dựng, các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo từng giai đoạn, tuân thủ theo các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

đ4) Định hướng quy hoạch sử dụng đất, xác định phạm vi, quy mô, các chỉ tiêu sử dụng đất trong khu chức năng theo yêu cầu phát triển từng giai đoạn.

đ5) Định hướng phát triển không gian:

- Xác định mô hình phát triển, hướng phát triển của khu chức năng; định hướng và nguyên tắc phát triển đối với các khu vực chức năng;

- Tổ chức hệ thống trung tâm phù hợp với phát triển các khu dân cư và các khu vực chức năng; xác định các khu vực kiến trúc, cảnh quan, các trục không gian chính, hệ thống quảng trường, khu vực cửa ngõ, công trình điểm nhấn của khu chức năng;

- Đề xuất, minh họa hình ảnh không gian chính cho khu chức năng, giải pháp tổ chức không gian các khu vực trọng điểm và quy định kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan các khu vực.

đ6) Định hướng hạ tầng kỹ thuật:

- Phân lưu vực tiêu thoát nước chính; hướng thoát nước; vị trí, quy mô các công trình tiêu thoát nước; xác định cốt xây dựng cho toàn khu và từng phân khu chức năng;

- Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đối nội; vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông; tổ chức hệ thống giao thông công cộng và hệ thống bến, bãi đỗ xe; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính và hệ thống hào, tuynel kỹ thuật (nếu có);

- Tính toán nhu cầu và xác định nguồn cung cấp nước, năng lượng (điện, khí đốt); dự báo tổng lượng nước thải, chất thải rắn; xác định vị trí, quy mô công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải, phân phối chính của hệ thống cấp nước, năng lượng và chiếu sáng, hạ tầng viễn thông thụ động, thoát nước và công trình xử lý nước thải;

- Xác định vị trí, quy mô cơ sở xử lý chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

đ7) Đánh giá môi trường chiến lược theo các nội dung sau:

- Xác định các vấn đề môi trường chính, những bất cập trong và ngoài khu vực lập quy hoạch;

- Hiện trạng các nguồn ô nhiễm có ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường;

- Dự báo diễn biến môi trường trong quá trình lập và thực hiện quy hoạch chung xây dựng khu chức năng;

- Đề xuất các biện pháp phòng ngừa và thứ tự ưu tiên thực hiện; đề xuất các khu vực cách ly, bảo vệ môi trường.

đ8) Đề xuất các hạng mục ưu tiên đầu tư, sơ bộ nhu cầu vốn và nguồn lực thực hiện.

e) Danh mục, số lượng hồ sơ và sản phẩm:

Thực hiện theo Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD; bao gồm:

e1) Thành phần bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Thể hiện các mối quan hệ giữa khu quy hoạch và vùng có liên quan về kinh tế - xã hội; điều kiện địa hình, các vùng có ảnh hưởng lớn đến không gian, kiến trúc cảnh quan trong khu quy hoạch; hạ tầng kỹ thuật đầu mối và các vấn đề khác tác động đến sự phát triển của

khu chức năng. Thể hiện theo tỷ lệ thích hợp.

- Các bản đồ hiện trạng gồm: Hiện trạng sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan và hạ tầng xã hội, giao thông, cao độ nền và thoát nước mưa, cung cấp năng lượng, viễn thông, thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Bản đồ đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất xây dựng: Xác định các khu vực thuận lợi, ít thuận lợi, không thuận lợi cho phát triển; xác định các vùng cấm, hạn chế phát triển trong khu chức năng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Sơ đồ cơ cấu phát triển khu quy hoạch (các sơ đồ phân tích hiện trạng và đề xuất các phương án kèm theo thuyết minh nội dung về tiêu chí xem xét, lựa chọn các phương án).

- Sơ đồ định hướng phát triển không gian: Xác định cấu trúc phát triển không gian khu quy hoạch theo các khu vực chức năng; nhấn mạnh các không gian công cộng, các trục chính, không gian mở, quảng trường, công viên, mặt nước; các liên kết về giao thông và hạ tầng kỹ thuật giữa các khu vực. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất: Xác định các khu vực theo cấu trúc không gian và chức năng sử dụng đất; đề xuất các thông số kinh tế - kỹ thuật chính, các chỉ tiêu sử dụng đất của từng khu vực. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Các bản vẽ định hướng kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan: Xác định các vùng kiến trúc, cảnh quan trong khu quy hoạch; đề xuất tổ chức không gian các trục, khu chức năng quan trọng (khu trung tâm, khu vực cửa ngõ, trục không gian chính, quảng trường, không gian cây xanh, mặt nước và các khu vực, công trình điểm nhấn,...). Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

- Các bản đồ định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật: Giao thông, cao độ nền và thoát nước mưa, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, thoát nước bản, quản lý chất thải và nghĩa trang. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược: Hiện trạng và đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

e2) Thuyết minh: Nội dung thuyết minh của đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng gồm:

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng; xác định các vấn đề cơ bản cần giải quyết.

- Xác định mục tiêu, động lực phát triển; dự báo quy mô dân số, lao động; lựa chọn, xác định các chỉ tiêu đất đai, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu, từng điểm đô thị, nông thôn (nếu có) và từng khu vực chức

năng.

- Đề xuất, lựa chọn cấu trúc phát triển không gian khu quy hoạch gồm định hướng phát triển hệ thống các khu đô thị, điểm dân cư nông thôn và hệ thống hạ tầng xã hội; định hướng các khu vực chức năng khác (du lịch, dịch vụ sinh thái, bảo tồn,...) trong toàn khu.

- Quy định kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan trong khu quy hoạch: Định hướng phát triển các trục không gian, hành lang phát triển của khu quy hoạch, làm cơ sở xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch, nguyên tắc phát triển đối với các khu chức năng của khu quy hoạch.

- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu chức năng gồm giao thông, chuẩn bị kỹ thuật, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, quản lý chất thải và nghĩa trang.

- Đánh giá môi trường chiến lược: Nội dung theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 12 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

- Kinh tế: Luận cứ xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch; đề xuất, kiến nghị nguồn lực thực hiện.

Thuyết minh đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh liên quan.

e3) Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan.

e4) Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng: Nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ và phải có các bản vẽ thu nhỏ kèm theo.

e5) Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.

e6) Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, phụ lục đính kèm, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan.

Đĩa CD lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án quy hoạch bao gồm thuyết minh, bản vẽ và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

g) Tiến độ thực hiện: Tối đa 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng tư vấn.

h) Dự toán thực hiện: 7.792.785.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy tỷ, bảy trăm chín mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng*). Trong đó:

- Chi phí lập đồ án quy hoạch: 3.852.750.000 đồng;

- Chi phí khảo sát (cả dự phòng): 2.651.873.000 đồng;
- Chi phí cắm mốc giới quy hoạch: 485.100.000 đồng;
- Chi phí khác: 803.062.000 đồng.

i) Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với UBND các huyện: Tư Nghĩa, Mộ Đức và UBND thị xã Đức Phổ, các sở ngành có liên quan triển khai lập đồ án quy hoạch theo đúng quy định và nhiệm vụ được duyệt.

2. Giao UBND các huyện: Tư Nghĩa, Mộ Đức và UBND thị xã Đức Phổ, các sở ngành có liên quan phối hợp chặt chẽ với Sở Xây dựng trong việc triển khai lập đồ án quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ; Chủ tịch UBND các huyện: Tư Nghĩa, Mộ Đức và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, NNTN, TH, KT, CB-TH;
- Lưu: VT, CNXD (Vũ 505).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Văn Minh